

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 241 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; sửa đổi, bổ sung và hợp nhất tại Luật số 01/VBHN-CPQH ngày 20 tháng 7 năm 2015 và Luật số 11/VBHN-VPQH 2019 ngày 04 tháng 7 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-TW ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;*

*Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Báo cáo số 143/BC-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 (Danh mục đô thị thực hiện phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo quyết định này).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Bộ Xây dựng**

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện phân loại đô thị theo Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; rà soát công tác quy hoạch đô thị, hướng dẫn các địa phương lập đề án phân loại đô thị; tổ chức thực hiện thẩm định, công nhận loại đô thị hoặc thẩm định trình cấp có thẩm quyền công nhận loại đô thị theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện, định kỳ kiểm tra, rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Tích hợp kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 trong quá trình tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị quốc gia đảm bảo phát triển hệ thống đô thị toàn quốc thống nhất qua các thời kỳ.

### **2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

- Khẩn trương tổ chức rà soát, thực hiện phân loại đô thị trên địa bàn đáp ứng quy định của pháp luật về phân loại đô thị và Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030.

- Đối với các đô thị mới thành lập hoặc đã thực hiện sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính đô thị thì thực hiện rà soát điều chỉnh quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, đầu tư phát triển đô thị đảm bảo tiêu chí phân loại đô thị; đánh giá phân loại lại để kiểm soát chất lượng đô thị.

- Nghiên cứu, tích hợp kế hoạch thực hiện phân loại đô thị giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn vào Quy hoạch tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Đối với đơn vị hành chính dự kiến tiếp tục thực hiện sắp xếp sáp nhập giai đoạn 2019 - 2021 và giai đoạn 2022 - 2030 phải đảm bảo sự phù hợp về Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hiệu quả kinh tế của địa phương.

**3. Các Bộ, ngành liên quan:** Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030.

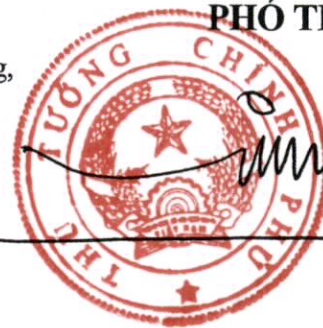
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./!

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Công An, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các tỉnh, UBND các thành phố trực thuộc Trung ương;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, KGVX, NN, NC, PL, KTTH, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (3b). Tuần 3

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Trịnh Đình Dũng**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC ĐÔ THỊ THỰC HIỆN PHÂN LOẠI ĐÔ THỊ**  
**TOÀN QUỐC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 241 /QĐ-TTg*  
*ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Vùng trung du và miền núi phía Bắc (14 tỉnh)</b>			
<b>1</b>	<b>Tỉnh Cao Bằng</b>			
1	TP. Cao Bằng	III	II	
2	TT. Tà Lùng, H.Phục Hòa	V	IV(MR)	
3	TT. Hòa Thuận, H.Phục Hòa	V		
4	Các TT: Trà Lĩnh, H.Trà Lĩnh; Trùng Khánh, H.Trùng Khánh	V	V(*) IV	
5	Các TT: Nước Hai, H.Hòa An; Quảng Uyên, H.Quảng Hòa	V	V(*)	IV
6	Đô thị mới: Sóc Giang, H. Hà Quảng; Bản Giốc, H.Trùng Khánh		V	
7	Đô thị mới: Phia Đén, H.Nguyên Bình; Cách Linh, H.Phục Hòa			V
<b>2</b>	<b>Tỉnh Lạng Sơn</b>			
1	TP. Lạng Sơn	II	II(MR)	I
2	TT. Cao Lộc, H.Cao Lộc	V		
3	TT. Đông Đăng, H.Cao Lộc	IV		IV(MR)
4	TT. Hữu Lũng, H.Hữu Lũng	V		IV(MR)
5	Đô thị mới: Bắc Lệ - Tân Thành, H.Hữu Lũng		V	
6	Các TT: Văn Quan, H.Văn Quan; Lộc Bình, H.Lộc Bình; Na Sầm, H.Văn Lãng; Bình Gia, H.Bình Gia; Bắc Sơn, H.Bắc Sơn; Đồng Mô, H.Chi Lăng	V	V(*)	
7	Đô thị mới: Chi Ma, H.Lộc Bình; Tân Thanh, H.Văn Lãng; Vạn Linh, H.Chi Lăng; Ngả Hai, H.Bắc Sơn			V
<b>3</b>	<b>Tỉnh Bắc Giang</b>			
1	TP. Bắc Giang	II		I
2	Các TT: Nénh, Bích Động, H.Việt Yên	V	V(*)	III
	Đô thị Việt Yên (H.Việt Yên dự kiến thành lập thị xã)		IV	
3	TT. Thắng, H.Hiệp Hòa	IV	IV(*)	
	Đô thị Hiệp Hòa (H.Hiệp Hòa dự kiến thành lập thị xã)		IV	
4	Các TT: Nham Biền, Tân An, H.Yên Dũng	V	V(*)	IV
	Đô thị Yên Dũng (H.Yên Dũng dự kiến thành lập thị xã)			



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	TT. Chũ mở rộng, H.Lục Ngạn	IV		IV(MR)
6	TT. Vôi, H.Lạng Giang	V	V(*) IV	
7	TT. Đồi Ngô mở rộng, H.Lục Nam		IV	
8	Các TT: An Châu, Tây Yên Tử, H.Sơn Động; Kép, H.Lạng Giang; Cao Thượng, Nhã Nam, H.Tân Yên; Phồn Xương, H.Yên Thế; Bó Hạ, H.Yên Thế		V(*)	
9	Đô thị mới: Phương Sơn, H.Lục Nam; Bách Nhãn, Bắc Lý, H.Hiệp Hòa; Tiên Phong, Nội Hoàng, H.Yên Dũng		V	
10	Đô thị mới: Phi Điền, Biền Động, Tân Sơn, H.Lục Ngạn; Cẩm Lý, Lan Mẫu, H.Lục Nam; Bi, H.Ngọc Thiện; Việt Lập, H.Tân Yên; Mỏ Trạng, Xuân Lương, H.Yên Thế; Tân Dĩnh, Thái Đào, Tân Hưng, H.Lạng Giang; Long Sơn, H.Sơn Động			V
<b>4</b>	<b>Tỉnh Bắc Kạn</b>			
1	TP. Bắc Kạn	III		II
2	TT. Đồng Tâm, H.Chợ Mới	V	V(*) IV	
3	Các TT: Chợ Rã, H.Ba Bể; Nà Phặc, H.Ngân Sơn; Bằng Lũng, H.Chợ Đồn	V		IV(MR)
4	Các TT: Yên Lạc, H.Na Ri; Phủ Thông, H.Bạch Thông	V	V(*)	
5	Đô thị mới: Vân Tùng, H.Ngân Sơn; Bộc Bó, H.Pác Nặm	V		IV(MR)
<b>5</b>	<b>Tỉnh Thái Nguyên</b>			
1	TP. Sông Công	III	II	
2	TX. Phổ Yên	III	II	
3	Các TT: Hóa Thượng, H.Đồng Hỷ; Hương Sơn, H.Phú Bình	V	IV	
4	Các TT: Đu, H.Phú Lương; Đình Cả, H.Võ Nhai; Chợ Chu, H.Định Hóa	V	IV	
5	Đô thị mới: Điềm Thụy, H.Phú Bình; Yên Lãng, Cù Vân, H.Đại Từ; Trung Hội, H.Định Hóa; La Hiên, H.Võ Nhai; Quang Sơn, H.Đồng Hỷ		V	
<b>6</b>	<b>Tỉnh Lào Cai</b>			
1	TP. Lào Cai	II	II(*) I	
2	TX. Sa Pa	IV		III
3	TT. Phố Lu, H.Bảo Thắng	V	V(*) IV	
4	TT. Bát Xát, H.Bát Xát	V	V(*)	IV

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	TT. Bắc Hà, H.Bắc Hà	V	IV(MR)	
6	TT. Mường Khương, H.Mường Khương	V	V(MR)	IV
7	Các TT: Khánh Yên, H.Văn Bàn; Phố Ràng, H.Bảo Yên	V		IV
8	TT Tăng Loỏng, H.Bảo Thắng	V	V(*)	
9	Đô thị mới: Bảo Hà, H.Bảo Yên; Y Tý, H.Bát Xát; Võ Lao, H. Văn Bàn		V	
10	Đô thị mới: Bảo Nhai, H.Bắc Hà; Bản Lầu, H.Mường Khương; Tân An, H.Văn Bàn			V
<b>7</b>	<b>Tỉnh Yên Bái</b>			
1	TP. Yên Bái	III	II	
2	TX. Nghĩa Lộ	IV	IV(*)	
			III	
3	Các TT: Cổ Phúc, H.Trần Yên; Yên Bình, H.Yên Bình; Mậu A, H. Văn Yên	V	IV	
4	TT. Yên Thế, H.Lục Yên	V		IV
5	TT. Sơn Thịnh, H.Văn Chấn	V	V(*)	
6	Đô thị mới: Hưng Khánh, Báo Đáp, H.Trần Yên; An Thịnh, An Bình, H.Văn Yên; Khánh Hòa, H.Lục Yên; Cẩm Ân, H.Yên Bình; Tú Lệ, Cát Thịnh, Tân Thịnh, H.Văn Chấn; Cẩm Nhân, H.Yên Bình		V	
7	Đô thị mới: Xuân Ái, H.Văn Yên; Púng Luông, H.Mù Cang Chải; Vân Hội, H.Trần Yên; Gia Hội, H.Văn Chấn			V
<b>8</b>	<b>Tỉnh Hà Giang</b>			
1	TP. Hà Giang	III		II
2	TT. Việt Quang, H.Bắc Quang	IV		III
3	TT. Vị Xuyên, H.Vị Xuyên	V	IV(MR)	
4	TT. Yên Minh, H.Yên Minh	V	IV	
5	TT. Đồng Văn, H.Đồng Văn	V		IV
6	Đô thị mới: Quang Minh, Hùng An, H.Bắc Quang; Thanh Thủy, Việt Lâm, H.Vị Xuyên; Mậu Duệ, H.Yên Minh; Thông Nguyên, H.Hoàng Su Phì; Nà Trì, H.Xín Mần		V	
7	Đô thị mới: Kim Ngọc, H.Bắc Quang; Bạch Đích, H.Yên Minh; Minh Ngọc, H.Bắc Mê; Pá Vi, H.Mèo Vạc			V
<b>9</b>	<b>Tỉnh Tuyên Quang</b>			
1	TP. Tuyên Quang	III	II	
2	Các TT: Tân Yên, H.Hàm Yên; Vĩnh Lộc, H.Chiêm Hóa; Sơn Dương, H.Sơn Dương	V	IV	
3	TT. Na Hang, H.Na Hang	V	IV(MR)	



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4	Đô thị mới: Yên Hoa, Đà Vị, H.Na Hang; Hòa Phú; Ngọc Hội, Kim Bình, Trung Hà, H.Chiêm Hóa; Thượng Lâm, Phúc Sơn, H.Lâm Bình; Thái Sơn, Phù Lưu, H.Hàm Yên; Mỹ Bằng, Xuân Vân, Trung Sơn, H.Yên Sơn; Sơn Nam, Đồng Lạc, Tân Trào, H.Sơn Dương		V	
<b>10</b>	<b>Tỉnh Hòa Bình</b>			
1	TP. Hòa Bình	III	III(*) II	
2	TT. Lương Sơn, H.Lương Sơn và khu vực mở rộng (dự kiến thành lập thị xã)	IV	IV(MR)	
3	TT. Mai Châu, H.Mai Châu và khu vực mở rộng (dự kiến thành lập thị xã)	V	IV(MR)	
4	Các TT: Bo, H.Kim Bôi; Mãn Đức, H.Tân Lạc; Chi Nê, H.Lạc Thủy	V	V(*)	IV
5	Các TT: Ba Hàng Đồi, H.Lạc Thủy; Hàng Trạm, H.Yên Thủy; Vụ Bản, H.Lạc Sơn; Đà Bắc, H.Đà Bắc	V	V(*)	
6	Đô thị mới: Phong Phú, H.Tân Lạc; Mường Vó, H.Lạc Sơn		V	
7	Đô thị mới: Vạn Hoa, H.Mai Châu; Chợ Béné, H.Lương Sơn; Dũng Phong, H.Cao Phong; Nhân Nghĩa, Ân Nghĩa, H.Lạc Sơn			V
<b>11</b>	<b>Tỉnh Phú Thọ</b>			
1	TP. Việt Trì	I	I(*)	
2	TX. Phú Thọ	III	III(*) II	
3	Các TT: Thanh Ba, H.Thanh Ba; Thanh Sơn, H.Thanh Sơn; Phong Châu, H.Phù Ninh (dự kiến thành lập thị xã)	V		IV(MR)
4	Các TT: Đoan Hùng, H.Đoan Hùng; Hạ Hòa, H.Hạ Hòa; Lâm Thao, Hùng Sơn H.Lâm Thao; Hưng Hóa, H.Tam Nông; Thanh Thủy, H.Thanh Thủy; Yên Lập, H.Yên Lập; Tân Phú, H.Tân Sơn	V		IV
4	TT. Cẩm Khê, H.Cẩm Khê	V	V(*)	IV
5	Đô thị mới: Tây Cốc, H.Đoan Hùng; Phú Lộc, H.Phong Châu; Vạn Xuân, H.Tam Nông; Hương Cấn, H.Thanh Sơn; Thu Cúc, H.Tân Sơn; Phương Xá, H.Cẩm Khê; Hiền Lương, H.Hạ Hòa			V
<b>12</b>	<b>Tỉnh Lai Châu</b>			
1	TP. Lai Châu	III	III(*) II	

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3	Các TT: Phong Thổ, H.Phong Thổ; Than Uyên, H.Than Uyên	V	IV	
2	Các TT: Tam Đường, H.Tam Đường; Sìn Hồ, H.Sìn Hồ	V		IV
4	Đô thị mới: Ma Lò Thành, H.Phong Thổ; Phúc Than, H.Than Uyên		V	
<b>13</b>	<b>Tỉnh Sơn La</b>			
1	TP. Sơn La	II		I
2	TT. Mộc Châu, H.Mộc Châu	IV		III
3	Các TT: Sông Mã, H.Sông Mã; Phù Yên, H.Phù Yên; Ít Ong, H.Mường La; Thuận Châu, H.Thuận Châu	V		IV
4	Đô thị mới: Vân Hồ, H.Vân Hồ		V	
5	Đô thị mới: Gia Phù, H.Phù Yên; Phiêng Khoài, H.Yên Châu; Tông Lạnh, H.Thuận Châu; Chiềng Khương, H.Sông Mã; Mường Bú, H.Mường La			V
<b>14</b>	<b>Tỉnh Điện Biên</b>			
1	TP. Điện Biên Phủ	III	III(*)	II
2	TT. Tuần Giáo, H.Tuần Giáo	V		IV
3	TT. Tủa Chùa, H.Tủa Chùa	V	V(*)	
4	Đô thị mới: trung tâm huyện lỵ huyện Mường Nhé		V	
5	Đô thị mới: Bản Phủ, H.Điện Biên			V
<b>II</b>	<b>Vùng đồng bằng sông Hồng và vùng KTTĐ Bắc Bộ (11 tỉnh)</b>			
<b>15</b>	<b>Tỉnh Bắc Ninh<sup>1</sup></b>			
1	TX. Từ Sơn (dự kiến thành lập TP)	III	II	
2	Đô thị Yên Phong (H.Yên Phong dự kiến thành lập thị xã)			III
	TT. Chờ, H.Yên Phong	V	IV(MR)	
3	Đô thị Tiên Du (H.Tiên Du dự kiến thành lập thị xã)			III
	TT. Lim, H.Tiên Du	V	IV(MR)	
4	Đô thị Thuận Thành (H.Thuận Thành dự kiến thành lập thị xã)			III
	TT. Hồ, H.Thuận Thành	V	IV(MR)	
5	Đô thị Phố Mới mở rộng (H. Quế Võ dự kiến thành lập thị xã)	IV		III

<sup>1</sup> Dự kiến tỉnh Bắc Ninh là thành phố trực thuộc trung ương.



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Đô thị mới: Cao Đức, H.Gia Bình; Trung Khê, Lâm Thao, H.Lương Tài			V
<b>16</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Phúc</b>			
1	TP. Vĩnh Yên	II	I	I <sup>2</sup>
2	TP. Phúc Yên	III	II	
3	Đô thị mới Bình Xuyên (H.Bình Xuyên dự kiến thành lập thị xã)		IV	
4	Đô thị Vĩnh Tường (H.Vĩnh Tường dự kiến thành lập thị xã)		IV	
5	Đô thị Lập Thạch (H.Lập Thạch dự kiến thành lập thị xã)			IV
6	Đô thị Tam Đảo (H.Tam Đảo dự kiến thành lập thị xã)		IV	
7	Đô thị Tam Hồng (khu vực H.Yên Lạc)	V		IV(MR)
8	Các TT: Bá Hiến và Đạo Đức, H.Bình Xuyên; Hợp Châu, Đại Đình, H.Tam Đảo	V	V(*)	
9	Đô thị mới: Hoàng Đan, H.Tam Dương; Hợp Lý, Bàn Giản, H.Lập Thạch; Hải Lựu, Đức Bác, Lãng Công, Cao Phong, H.Sông Lô; Vân Hội, H.Tam Dương; Đạo Trù, Tam Quan, H.Tam Đảo; Bình Định, Đồng Cương, Yên Đồng, Liên Châu, H.Yên Lạc; Bình Dương, Vĩnh Sơn, Vũ Di, H.Vĩnh Tường		V	
<b>17</b>	<b>Thành phố Hà Nội<sup>3</sup></b>			
<b>18</b>	<b>Tỉnh Quảng Ninh</b>			
1	TP. Hạ Long	I	I(*)	
2	TP. Uông Bí	II	II(*)	I
3	TP. Móng Cái	II		I(MR)
4	TT. Quảng Hà, H.Hải Hà	V	V(*) IV(MR)	
5	TX. Quảng Yên; TX. Đông Triều	III		II
6	TT. Cái Rồng, H.Vân Đồn	IV	III	II
7	TT. Tiên Yên, H.Tiên Yên	IV		III(MR)
8	Các TT: Cô Tô, H.Cô Tô; Đầm Hà, H.Đầm Hà	V		IV
9	TT. Bình Liêu, H.Bình Liêu	V	V(*)	
10	Đô thị mới: Hoàng Mô, ĐôngVãn, H.Bình Liêu			V
<b>19</b>	<b>Tỉnh Hải Dương</b>			
1	TP. Hải Dương	I	I(*)	
2	TP. Chí Linh	III		II
3	TX. Kinh Môn	IV	III	

<sup>2</sup> Đô thị Vĩnh Phúc (khu vực các thành phố Vĩnh Yên, Phúc Yên và đô thị mới Bình Xuyên).

<sup>3</sup> Các huyện: Hoài Đức, Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Đan Phượng dự kiến thành lập quận.

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4	TT. Nam Sách, H.Nam Sách	V	IV(MR)	
5	TT. Kê Sặt, H.Bình Giang	V	V(*)	
	Đô thị Bình Giang (H. Bình Giang dự kiến thành lập thị xã)		IV	
6	Các TT: Lai Cách, H.Cẩm Giàng; Gia Lộc, H.Gia Lộc	V	V(*)	
			IV(MR)	
7	Các TT: Phú Thái, H.Kim Thành; Ninh Giang, H.Ninh Giang	V		IV(MR)
8	TT. Thanh Miện, H.Thanh Miện	V	V(*)	IV(MR)
9	TT. Cẩm Giàng, H.Cẩm Giàng	V	V(*)	
<b>20</b>	<b>Thành phố Hải Phòng</b>			
1	TP. Hải Phòng	I	I(MR)	
2	Các TT: Minh Đức, Núi Đèo, H.Thủy Nguyên	V	IV	
	Đô thị Thủy Nguyên (H.Thủy Nguyên dự kiến thành lập thành phố)	V	III	
3	Các TT: An Lão, H.An Lão; Núi Đồi, H.Kiến Thụy; Vĩnh Bảo, H.Vĩnh Bảo	V		IV
4	Các TT: Tiên Lãng, H.Tiên Lãng; Cát Bà, H.Cát Hải	V	IV	
5	Đô thị mới: Quảng Thanh, Lưu Kiếm, Hòa Bình, H.Thủy Nguyên; Hùng Thắng, H.Tiên Lãng; Tam Cường, H.Vĩnh Bảo; Bạch Long Vỹ, H.Bạch Long Vỹ			V
<b>21</b>	<b>Tỉnh Hưng Yên</b>			
1	TP. Hưng Yên	III	II	
2	TX. Mỹ Hào	IV	III	
3	TT. Văn Giang, H.Văn Giang	V	III	
	Đô thị Văn Giang (toàn Huyện Văn Giang)			
4	Các TT: Khoái Châu, H.Châu Giang; Yên Mỹ, H.Yên Mỹ	V	IV(MR)	
5	Đô thị mới: Thọ Vinh, Đức Hợp, Phú Thịnh, H.Kim Động; Tân Phúc, Xuân Trúc, Hồng Quang, H.Ân Thi; Thụy Lôi, Thiện Phiến, Nhật Tân, H.Tiên Lữ; Quang Hưng, Minh Tân, H.Phù Cừ; Yên Phú, Tân Việt, Trung Hưng, H.Yên Mỹ; Đông Tảo, Đông Kết, Bình Minh, H.Khoái Châu; Minh Hải, Đại Đồng, H.Văn Lâm; Đình Cao, H. Phù Cừ		V	
<b>22</b>	<b>Tỉnh Thái Bình</b>			
1	TP. Thái Bình	II	I	
2	TT. Vũ Thư, H.Vũ Thư	V	IV	
3	TT. Đông Hưng, H.Đông Hưng	V	IV(MR)	



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4	TT. Tiền Hải, H.Tiền Hải	V	V(*) IV	
5	Các TT: Hưng Hà, H.Hưng Hà; Hưng Nhân, H.Hưng Hà	V		IV
6	TT. Kiến Xương, H.Kiến Xương	V	V(*)	
7	Đô thị mới: An Đông, Quỳnh Ngọc, H.Quỳnh Phụ; Thụy Trường, H.Thái Thụy; Thanh Tân, Bình Thanh, H.Kiến Xương; Thái Phương, H.Hưng Hà		V	
8	Đô thị mới: Đông Quan, Tiên Hưng, H.Đông Hưng; Xuân Hòa, Tân Phong, Vũ Hội, Vũ Tiến, H.Vũ Thư; Đông Minh, Nam Phú, H.Tiền Hải			V
<b>23</b>	<b>Tỉnh Hà Nam</b>			
1	Các TT: Quế, Ba Sao, H.Kim Bảng	V	IV	
	Các đô thị: Nhật Tân, Tượng Lĩnh, H.Kim Bảng	V		
	Đô thị Kim Bảng (H. Kim Bảng dự kiến thành lập thị xã)			
2	TX. Duy Tiên	IV		III
3	TT. Bình Mỹ, H.Bình Lục	V	V(*)	IV(MR)
4	TT. Vĩnh Trụ, H.Lý Nhân	V	V(*)	
			IV	
5	TT. Tân Thanh, H.Thanh Liêm	V		IV(MR)
6	Đô thị mới: Hòa Hậu, H.Lý Nhân; Thái Hà, H.Lý Nhân; Chợ Sông, H.Bình Lục		V	
<b>24</b>	<b>Tỉnh Nam Định</b>			
1	TP. Nam Định	I		I(MR)
2	TT. Mỹ Lộc, H.Mỹ Lộc	V		
3	TT. Thịnh Long, H.Hải Hậu	IV	IV(MR)	III
4	TT. Rạng Đông, H.Nghĩa Hưng	V	IV(MR)	
5	TT. Quất Lâm mở rộng, H.Giao Thủy	V	IV(MR)	
6	Các TT: Cổ Lễ, H.Trực Ninh; Xuân Trường, H.Xuân Trường	V		IV(MR)
7	TT. Yên Định, H.Hải Hậu	V	IV	IV(MR)
8	TT. Lâm, H.Ý Yên	V	V(*)	IV(MR)
9	Đô thị mới dự kiến hình thành tại khu vực 4 xã H.Ý Yên		V	IV
10	Đô thị mới: Đại Đồng, H.Giao Thủy; Xuân Ninh, H.Xuân Trường; Trung Thành, H.Vụ Bản; Đồng Sơn, H.Nam Trực		V	

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
11	Đô thị mới: Xuân Hồng, H.Xuân Trường; Hải Phú, Hải Đông, H.Hải Hậu; Trục Nội, H.Trực Ninh; Bo Yên Chính, H.Ý Yên; Nghĩa Minh, H.Nghĩa Hưng			V
<b>25</b>	<b>Tỉnh Ninh Bình</b>			
1	TP. Ninh Bình (dự kiến sáp nhập với H.Hoa Lư)	II	II(MR)	
<b>III</b>	<b>Vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (14 tỉnh)</b>			
<b>26</b>	<b>Tỉnh Thanh Hóa</b>			
1	TP. Thanh Hóa	I	I(MR)	
2	TX. Bim Sơn	III	IV(MR)	
3	TX. Nghi Sơn	IV		III
4	Các TT: Tân Phong, H.Quảng Xương; Bút Sơn, H.Hoàng Hóa	V	V(*)	IV(MR)
5	TT. Thọ Xuân, H.Thọ Xuân	V	V(*)	IV(MR)
6	TT. Lam Sơn – Sao Vàng, H.Thọ Xuân	IV	IV(*)	
7	Các TT: Hậu Lộc, H.Hậu Lộc; Hà Trung, H.Hà Trung; Nga Sơn, H.Nga Sơn; Thiệu Hóa, H.Thiệu Hóa; Triệu Sơn, Nưa, H.Triệu Sơn; Quán Lào, H.Yên Định; Phong Sơn, H.Cẩm Thù; Kim Tân, Vân Du, H.Thạch Thành; Vĩnh Lộc, H.Vĩnh Lộc; Bến Sung, H.Như Thanh; Yên Cát, H.Như Xuân; Thường Xuân, H.Thường Xuân; Lang Chánh, H.Lang Chánh; Cành Nàng, H.Bá Thước; Hồi Xuân, H.Quan Hóa; Sơn Lư, H.Quan Sơn; Mường Lát, H.Mường Lát	V	V(*)	
8	Đô thị mới: Diêm Phố, H.Hậu Lộc; Cầu Quan, H.Nông Cống; Bông, H.Vĩnh Lộc; Kiều, H.Yên Định; Tiên Trang, H.Quảng Xương		V	
9	Đô thị mới: Na Mèo, H.Quan Sơn; Góm, H.Triệu Sơn			V
<b>27</b>	<b>Tỉnh Nghệ An</b>			
1	TX. Thái Hòa	IV	IV(*)	
2	Các TT: Con Cuông, H.Con Cuông; Diễn Châu, H.Diễn Châu; Đô Lương, H.Đô Lương; Yên Thành, H.Yên Thành	V		IV
3	TT. Nam Đàn, H.Nam Đàn	V	V(*)	IV
4	Các TT: Thạch Giám, H.Tương Dương; Kim Sơn, H.Quế Phong	V	V(*)	
5	Đô thị mới: Cây Chanh, H.Anh Sơn; Quán Lử, H.Diễn Châu; Vân Tụ, Đô Thành, H.Yên Thành		V	



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Đô thị mới: Trung Phúc Cường, H.Nam Đàn; Thượng Sơn, H.Đô Lương Chợ Thượng, H.Nghi Lộc; Hưng Phúc, H.Hung Nguyên			V
<b>28</b>	<b>Tỉnh Hà Tĩnh</b>			
1	TP. Hà Tĩnh	II	II(*)	
2	TX. Hồng Lĩnh	IV	III	
3	TX. Kỳ Anh	III	III(*) II	
4	TT. Đức Thọ, H.Đức Thọ	V	V(*) IV	III
5	Các TT: Tiên Điền, H.Nghi Xuân; Nghèn, H.Can Lộc; Cẩm Xuyên, H.Cẩm Xuyên; Thạch Hà, H.Thạch Hà	V	V(*) IV	
6	Các TT: Vũ Quang, H.Vũ Quang; Tây Sơn, H.Hương Sơn	V		IV
7	Các TT: Phố Châu, H.Hương Sơn; Xuân An, H.Nghi Xuân; Thiên Cầm, H.Cẩm Xuyên	V	IV	
8	TT. Lộc Hà, H.Lộc Hà	V	V(*)	IV
9	Đô thị mới: Nghi Xuân		IV	
10	Đô thị mới: Kỳ Đồng, H.Kỳ Anh; Xuân Thành, Cương Gián, H.Nghi Xuân		V	
11	Đô thị mới: Kỳ Phong, Kỳ Trung, Kỳ Xuân, Kỳ Lâm, H.Kỳ Anh; Hương Trà, Phúc Đồng, La Khê, H.Hương Khê; Đức Đồng, H.Đức Thọ; Năm, Nước Sốt, H.Hương Sơn; Tam Đồng, Lạc Thiện, H.Đức Thọ; Phù Việt, H.Thạch Hà			V
<b>29</b>	<b>Tỉnh Quảng Bình</b>			
1	TT. Hoàn Lão mở rộng, H.Bố Trạch	IV	IV(*)	
2	Các TT: Quy Đạt, H.Minh Hóa; Phong Nha, H.Bố Trạch	V	V(*)	
3	Đô thị mới: Dinh Mười, H.Quảng Ninh; Tiến Hóa, H.Tuyên Hóa; Phúc Trạch, H.Bố Trạch; Hóa Tiến, Cha Lo, H.Minh Hóa; Quảng Phương, Hòn La, H.Quảng Trạch			V
<b>30</b>	<b>Tỉnh Quảng Trị</b>			
1	TP. Đông Hà	III	II	
2	TX. Quảng Trị	IV	III	
3	TT. Lao Bảo, H.Hướng Hóa	V	IV	III
4	Các TT: Cam Lộ, H.Cam Lộ; Hồ Xá, H.Vĩnh Linh; Khe Sanh, H.Hướng Hóa	V	IV	
5	TT. Diên Sanh, H.Hải Lăng	V	V(*) IV	
6	Các TT: Gio Linh, Cửa Việt, H.Gio Linh; Ái Tử, H.Triệu Phong	V		IV

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
7	TT. Cửa Tùng, H.Vĩnh Linh	V	V(*)	
8	Đô thị mới: Mỹ Chánh, La Vang, H.Hải Lăng; Tà Rụt, H.Đakrông; Hướng Phùng, Lìa, H.Hướng Hóa; Bồ Bản, H. Triệu Phong		V	
9	Đô thị mới: Mỹ Thủy, H.Hải Lăng; Trung tâm khu Kinh tế Đông Nam			V
<b>31</b>	<b>Tỉnh Thừa Thiên Huế<sup>4</sup></b>			
1	TP. Huế	I	I(MR)	
2	Đô thị Phong Điền (H.Phong Điền dự kiến thành lập thị xã)	V	IV	
3	Đô thị mới: Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến, Vinh Hiền, Vinh Hưng, H.Phú Lộc; Thanh Hà, H.Quảng Điền; Phú Mỹ, H.Phú Vang		V	
4	Đô thị mới: Hồng Vân, Lâm Đốt, H.A Lưới			V
<b>32</b>	<b>Thành phố Đà Nẵng</b>	<b>Không có đề xuất</b>		
<b>33</b>	<b>Tỉnh Quảng Nam</b>			
1	TP. Tam Kỳ	II		I
2	TP. Hội An	III	II	
3	TX. Điện Bàn	IV	III	
4	Các TT: Hà Lam, H.Thăng Bình; Núi Thành, H.Núi Thành	V	IV	III
5	Các TT: Khâm Đức, H.Phước Sơn; Thạnh Mỹ, H.Nam Giang; Ái Nghĩa, H.Đức Lộc	V		IV
6	TT. Nam Phước, H.Duy Xuyên	V	IV	
7	Đô thị mới: Duy Hải - Duy Nghĩa, H.Duy Xuyên; Bình Minh, H.Thăng Bình		V	
8	Đô thị mới: Sông Vàng, H.Đông Giang; A Xan, H.Tây Giang; Kiểm Lâm; Vĩnh Phước - Lâm Tây, H.Đại Lộc; Phước Hiệp, H.Phước Sơn; Việt An, Cây Xanh, Sông Trà, H.Hiệp Đức			V
<b>34</b>	<b>Tỉnh Quảng Ngãi</b>			
1	TP. Quảng Ngãi	II		I
2	TT. La Hà, H.Tư Nghĩa	V		IV(MR)
	TT. Sông Vệ, H.Tư Nghĩa	V		
3	TT. Châu Ổ, H.Bình Sơn	V	V(*)	
4	TT. Ba Tơ, H.Ba Tơ	V	V(*)	IV

<sup>4</sup> Dự kiến tỉnh Thừa Thiên Huế là thành phố trực thuộc trung ương theo Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5	TT. Trà Xuân, H.Trà Bồng; Đô thị Vạn Tường, H.Bình Sơn	V		IV
6	Đô thị mới: Nam Sông Vệ, H.Mộ Đức; Ba Vì, H.Ba Tơ			V
<b>35</b>	<b>Tỉnh Bình Định</b>			
1	TX. An Nhơn	IV	III	
2	TX. Hoài Nhơn	IV		III
3	TT. Phú Phong (H.Tây Sơn dự kiến thành lập thị xã)	IV		IV
4	Đô thị mới: Cát Khánh, H.Phù Cát; Mỹ Thành, H.Phù Mỹ; Phước Hòa, H.Tuy Phước; Phước Sơn, H.Tuy Phước; An Hòa, H.An Lão; Canh Vinh, H.Vân Canh		V	
5	Đô thị mới: Phù Cát, H.Phù Cát			V
<b>36</b>	<b>Tỉnh Phú Yên</b>			
1	TP. Tuy Hòa	II	I	
2	TX. Sông Cầu	III		II
3	TX. Đông Hòa	IV		III
4	Các TT: Chí Thạnh, H.Tuy An; Cùmg Sơn, H.Sơn Hòa	V	IV(MR)	
5	Các TT: Phú Hòa, H.Phú Hòa; Hai Riêng, H.Sông Hinh; Phú Thứ, H.Tây Hòa; La Hai, H.Đồng Xuân	V		IV
6	Đô thị mới: An Mỹ, H.Tuy An; Tân Lập, H.Sông Hinh; Sơn Long, H.Sơn Hòa; Sơn Thành Đông, H.Tây Hòa; Hòa Trị, H.Phú Hòa; Xuân Phước, H. Đồng Xuân		V	
7	Đô thị mới: Xuân Lãnh; Trà Kê Sơn Hội, H.Sơn Hòa; Hòa Mỹ Đông, H.Tây Hòa; Phong Niên, H.Phú Hòa			V
<b>37</b>	<b>Tỉnh Khánh Hòa<sup>5</sup></b>			
1	Đô thị Khánh Hòa			I
2	TP. Cam Ranh	III	II	
3	TT. Cam Đức, H.Cam Lâm	V	IV	
4	Đô thị Diên Khánh, H.Diên Khánh (Khu vực H.Diên Khánh dự kiến thành lập thị xã)	V	IV(MR)	
5	Đô thị Vạn Ninh, H.Vạn Ninh (Khu vực H.Vạn Ninh dự kiến thành lập thị xã)	V	IV(MR)	

<sup>5</sup> Dự kiến tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc trung ương theo Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>38</b>	<b>Tỉnh Ninh Thuận</b>			
1	TT. Phước Dân, H.Ninh Phước	V		IV
2	TT. Tân Sơn, H.Ninh Sơn	V	IV	
3	Đô thị Lợi Hải, H.Thuận Bắc		V	IV
4	Đô thị mới: Phước Đại, H.Bác Ái		V	
5	Đô thị mới: Thanh Hải, H.Ninh Hải; Phước Nam, H.Thuận Nam; Cà Ná, H.Thuận Nam; Lâm Sơn, H.Minh Sơn; Hòa Sơn, H.Ninh Sơn			V
<b>39</b>	<b>Tỉnh Bình Thuận</b>			
1	Các TT: Liên Hương, H.Tuy Phong; Võ Xu, H.Đức Linh	V	IV	
2	Đô thị mới: Sơn Mỹ, H.Hàm Tân; Vĩnh Tân, H.Tuy Phong			V
<b>IV</b>	<b>Vùng Tây Nguyên (5 tỉnh)</b>			
<b>40</b>	<b>Tỉnh Kon Tum</b>			
1	TP. Kon Tum	III	II	
2	TT. Pleikân, H.Ngọc Hồi (H.Ngọc Hồi dự kiến thành lập thị xã)	IV	IV	
3	Đô thị mới: trung tâm H.Tu Mơ Rông; trung tâm H.Kon Rẫy; trung tâm H.la H' Drai		V	
<b>41</b>	<b>Tỉnh Gia Lai</b>			
1	TX. An Khê	IV	III	
2	TT. Đăk Đoa, H.Đăk Đoa	V	IV	
3	TT. Chư Sê (H.Chư Sê dự kiến thành lập thị xã)	IV	IV(MR)	
4	Các TT: K'Bang, H.K'Bang, Phú Hòa, H.Chư Păh; Ia Ly, H.Chư Păk; Kon Dông, H.Mang Yang; Nhơn Hòa, H.Chư Pưh; Đăk Pơ, H.Đăk Pơ; Phú Thiện, H.Phú Thiện	V		IV
<b>42</b>	<b>Tỉnh Đăk Lăk</b>			
1	TX. Buôn Hồ	IV	III	
2	TT. Ea Pôk, H.Cư M'gar	V		IV
3	Đô thị mới: Dray Bhang, H.Cư Kuin; Trung Hòa, H.Cư Kuin; Cư Né, H.Krông Búk; Ea Phê, H.Krông Pắc; Ea Na, H.Krông Ana; Phú Xuân, H.Krông Năng.		V	
4	Đô thị mới: Krông Na, H.Buôn Đôn; Ea Bar, H.Buôn Đôn; Cuôr Đăng, H.Cư M'gar; Ea Wy, H.Ea H'leo; Ea Ral, H.Ea H'leo; Cư Ni, H.Ea Kar; Ea Rôk, H.Ea Súp; Khu kinh tế cửa khẩu Đăk Ruê, H.Ea Súp; Cư Drăm, H.Krông Bông; Đliê Ya, H.Krông Năng; Ea M'Doal, H.H.M'Đrăk.			V



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>43</b>	<b>Tỉnh Đắk Nông</b>			
1	Thành phố Gia Nghĩa	III		II
2	TT Đắk Mil, H. Đắk Mil	IV		III
	Đô thị Đắk Mil (H.Đắk Mil dự kiến thành lập thị xã)		IV(MR)	
3	TT Ea T'Ling, H.Cư Jut	IV		III
	Đô thị Ea T'Ling (H. Cư Jut dự kiến thành lập thị xã)		IV(MR)	
4	TT Kiến Đức, H. Đắk R'Lấp	IV		III
	Đô thị Đắk R'Lấp (H. Đắk R'Lấp dự kiến thành lập thị xã)		IV(MR)	
5	Các TT: Đức An, H.Đắk Song; Đắk Mâm, H.Krông Nô	V	IV	
6	Các đô thị: Quảng Khê, H. Đắk Glong; Đắk Buk So, H. Tuy Đức	V		IV
7	Đô thị mới: Đắk R'la, H. Đắk Mil; Đạo Nghĩa, Đắk Ru, H. Đắk R'Lấp; Quảng Sơn, H. Đắk Glong		V	
<b>44</b>	<b>Tỉnh Lâm Đồng</b>			
1	TP. Bảo Lộc	III	II	
2	TT. Liên Nghĩa, H.Đức Trọng (H.Đức Trọng dự kiến thành lập thị xã)	IV	IV(MR)	III
3	TT. Di Linh, H.Di Linh	V	IV	III
4	Các TT: Đình Văn, H.Lâm Hà; Lộc Thắng, H.Bảo Lâm; Ma Đa Guôi, H.Đạ Huoai; Nam Bang, H.Lâm Hà	V	IV	
5	TT. Đạ Tẻh, H.Đạ Tẻh; Thạnh Mỹ, H.Đơn Dương	V		IV
6	TT. Đạ M'ri, H.Đạ Huoai	V	V(*)	
7	Đô thị mới: Hòa Ninh, H.Di Linh; Lộc An, H.Bảo Lâm; Bằng Lăng, H.Đam Rông; Rsal, H.Đam Rông		V	
<b>V</b>	<b>Vùng Đông Nam Bộ (6 tỉnh)</b>			
<b>45</b>	<b>Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</b>			
1	TX. Phú Mỹ	III	II	
2	TT. Long Điền, H.Long Điền	V		IV
3	TT. Long Hải, H.Long Điền	V	IV	III
4	TT. Côn Sơn, H.Côn Đảo	V	IV	III
5	Đô thị mới: Bình Châu, H.Xuyên Mộc; Hòa Bình, H.Xuyên Mộc		V	
6	Đô thị mới: Hồ Tràm, H.Xuyên Mộc; Lộc An, H.Đất Đỏ			V

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>46</b>	<b>Tỉnh Bình Dương</b>			
1	TP. Thuận An	III	II	
2	TP. Dĩ An	III	II	
3	TX. Tân Uyên	III	II	
4	TX. Bến Cát	III	II	
5	TT Dầu Tiếng, H.Dầu Tiếng	V	IV	
6	Các TT: Phước Vĩnh, H.Phú Giáo; Tân Thành, H.Bắc Tân Uyên	V		IV
7	TT. Lai Uyên, H.Bàu Bàng	V		IV(MR)
8	Đô thị mới: Lai Hưng, H.Bàu Bàng; Thanh Tuyền; Long Hòa, H.Dầu Tiếng		V	
9	Đô thị mới: Long Nguyên, H.Bàu Bàng; Minh Hòa, H.Dầu Tiếng; Tân Lập, Bình Mỹ, H. Bắc Tân Uyên.			V
<b>47</b>	<b>Tỉnh Bình Phước</b>			
1	TP. Đồng Xoài	III		II
2	TX. Bình Long	IV		III
3	TX. Phước Long	IV		III
4	Đô thị Chơn Thành (H. Chơn Thành dự kiến thành lập thị xã)	IV		III
5	TT. Tân Khai, H.Hớn Quảng	V		IV
6	Đô thị mới: Đức Liễu, H.Bù Đăng; Bù Nho, H.Phú Riềng; Tân Hưng, H.Hớn Quán; Tân Lập, H.Đồng Phú; Hoa Lư, H.Lộc Ninh; Đô thị Thiện Hưng, H.Bù Đốp		V	
7	Đô thị mới: Tân Tiến, H.Đồng Phú; Lộc Tấn, H.Lộc Ninh; Thanh An, H.Hớn Quán; Đồng Nơ, H.Hớn Quán			V
<b>48</b>	<b>Tỉnh Đồng Nai</b>			
1	TP. Long Khánh	III		II
2	TT. Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch (Đô thị mới Nhơn Trạch)	V	III	II
3	TT. Trảng Bom mở rộng, H.Trảng Bom	IV	III	
4	TT. Long Thành mở rộng, H.Long Thành	IV	III	
5	Các TT: Tân Phú, H.Tân Phú; Định Quán, H.Định Quán; Gia Ray, H.Xuân Lộc; Vĩnh An, H.Vĩnh Cửu; Dầu Giây, H.Thống Nhất	V	IV	
6	Đô thị Long Giao, H.Cẩm Mỹ	V		IV
7	Đô thị mới: Bình Sơn, H.Long Thành			IV
8	Đô thị mới: Phước Thái, H.Long Thành; Thạnh Phú, Phú Lý, H.Vĩnh Cửu; Phú Túc, H.Định Quán; La Ngà, H.Định Quán			V



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>49</b>	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>			
1	TP. Thủ Đức	I	I(*)	
<b>50</b>	<b>Tỉnh Tây Ninh</b>			
1	TP. Tây Ninh	III	II	
2	TX. Hòa Thành	IV	III	
3	TX. Trảng Bàng	IV	III	
4	TT. Gò Dầu, H.Gò Dầu	V	IV	III
5	TT. Bến Cầu, H.Bến Cầu (H.Bến Cầu dự kiến thành lập thị xã)	V	IV	
6	TT. Dương Minh Châu, H.Dương Minh Châu (H.Dương Minh Châu dự kiến thành lập thị xã)	V		IV
<b>VI</b>	<b>Vùng đồng bằng sông Cửu Long (13 tỉnh)</b>			
<b>51</b>	<b>Tỉnh Long An</b>			
1	TP. Tân An	II	I	
2	TX. Kiến Tường	IV	III	II
3	TT. Bến Lức, H.Bến Lức	IV	III	II
4	TT. Hậu Nghĩa, H.Đức Hòa	IV	III	
5	Các TT: Tân Hưng, H.Tân Hưng; Vĩnh Hưng, H.Vĩnh Hưng; Tân Thạnh, H.Tân Thạnh; Thạnh Hóa, H.Thạnh Hóa; Đông Thành, H.Đức Huệ; Thủ Thừa, H.Thủ Thừa; Tầm Vu, H.Châu Thành; Tân Trụ, H.Tân Trụ	V	IV	
6	TT. Cần Giuộc, H.Cần Giuộc	IV	IV(*) III	
7	Đông Hòa, H.Cần Giuộc		IV	
8	Đô thị mới: Hưng Điền B, H.Tân Hưng; Gò Đen, H.Bến Lức; Long Đức Đông, H.Cần Giuộc; Khánh Hưng, Thái Bình Trung, H.Vĩnh Hưng; Mỹ Quý Tây, H.Đức Huệ		V	
9	Đô thị mới: Hậu Thạnh Đông, H.Tân Thạnh; Mỹ Quý Tây, H.Đức Huệ, Hiệp Hòa, Mỹ Hạnh H.Đức Hòa; Lương Hòa H.Bến Lức; Lạc Tấn, H.Tân Trụ			V
<b>52</b>	<b>Tỉnh Tiền Giang</b>			
1	TX. Gò Công	III		II
2	TT. Mỹ Phước, H. Tân Phước	V	V(*)	IV
3	Các TT: Cái Bè, H.Cái Bè; Vàm Láng, H.Gò Công Đông	V	IV	

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
4	Các TT: Chợ Gạo, H.Chợ Gạo; Vĩnh Bình, H.Gò Công Tây; Tân Hòa, H.Gò Công Đông	V		IV
5	Đô thị mới: An Hữu, H.Cái Bè		V	IV
6	Đô thị mới: Long Trung, H.Cai Lậy; Vĩnh Kim, Long Định, H.Châu Thành; Hòa Khánh, Thiên Hộ, H.Cái Bè; Phú Mỹ, H.Tân Phước; Bến Tranh, H.Chợ Gạo; Tân Tây, H.Gò Công Đông; Tân Phú Đông, H.Tân Phú Đông; Long Bình, Đồng Sơn, H.Gò Công Tây		V	
7	Đô thị mới: Mỹ Thành Nam, H.Cai Lậy; Tân Điện, H.Gò Công Đông			V
<b>53</b>	<b>Tỉnh Bến Tre</b>			
1	TP. Bến Tre	II		I
2	TT. Ba Tri, H.Ba Tri	IV		III(MR)
3	TT. Bình Đại, H.Bình Đại	IV		III(MR)
4	TT. Mỏ Cày, H.Mỏ Cày Nam	IV		III(MR)
5	Các TT: Thạnh Phú, H.Thạnh Phú; Chợ Lách, H.Chợ Lách	V		IV
6	Đô thị mới: Thới Thuận, H.Bình Đại; Châu Hưng, H.Bình Đại; Tân Phú, H.Châu Thành; Phước Long, H.Giồng Trôm; Phú Phụng, H.Chợ Lách; An Định, H.Mỏ Cày Nam; Tân Phong, H.Thạnh Phú; Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc		V	
7	Đô thị mới: An Hiệp, Phú Túc, An Hóa, H.Châu Thành; Châu Hòa, H.Giồng Trôm; An Thới, H.Mỏ Cày Nam; Thanh Tân, H.Mỏ Cày Bắc			V
<b>54</b>	<b>Tỉnh Trà Vinh</b>			
1	Các TT: Càng Long, H.Càng Long; Cầu Ngang, H.Cầu Ngà	V	IV	
2	TX. Duyên Hải	IV	III	
3	Đô thị mới: Tân An, H.Càng Long; Ngũ Lạc, H.Duyên Hải; Ninh Thới, H.Cầu Kè			V
<b>55</b>	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b>			
1	TT. Cái Nhum, H.Mang Thít	V	V(*)	
2	Các TT: Vũng Liêm, H.Vũng Liêm; Trà Ôn, H.Trà Ôn	V	IV	
3	TT. Tân Quới, H.Bình Tân	V	V(*)	
4	Đô thị mới: Phú Quới, H.Long Hồ		V	
5	Đô thị mới: Hựu Thành, H.Trà Ôn; Cái Ngang, H.Tam Bình			V



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>56</b>	<b>Tỉnh Đồng Tháp</b>			
1	TP. Cao Lãnh	II		I
2	TP. Sa Đéc	II		I
3	TP. Hồng Ngự	III		II
4	TT. Mỹ An	IV		III
5	Các TT: Thường Thới Tiền, H.Hồng Ngự; Sa Rài, H.Tân Hồng; Tràm Chim, H.Tam Nông; Thanh Bình, H.Thanh Bình; Lai Vung, H.Lai Vung	V		IV
6	TT. Cái Tàu Hạ - Nha Môn, H.Châu Thành	V	IV	
7	Đô thị mới: Tân Phú Trung, H.Châu Thành; Phong Hòa, Tân Dương, H.Lai Vung; Bình Thành, H.Thanh Bình; Dinh Bà, Giồng Răng, H.Tân Hồng; Thường Phước, Long Khánh B, H.Hồng Ngự; Phương Trà, H.Cao Lãnh; Thanh Mỹ, Đốc Binh Kiều, Mỹ Hòa, H.Tháp Mười		V	
8	Đô thị mới: Phong An, Tân Thạnh, Tân Mỹ, H.Thanh Bình; Mỹ Long, An Bình, Gáo Rông, H.Cao Lãnh; Tân Mỹ, Hưng Long A, Bình Thành, H.Lấp Vò; Phú Điền, Mỹ Quý, H.Tháp Mười; Phú Thành A, Hòa Bình, H.Tam Nông			V
<b>57</b>	<b>Tỉnh An Giang</b>			
1	Đô thị Tịnh Biên mở rộng	IV	III	
2	Các TT: Cái Dầu, H.Châu Phú; Phú Hòa, H.Thoại Sơn; Óc Eo, H.Thoại Sơn; Tri Tôn, H.Tri Tôn; An Châu, H.Châu Thành	V	IV	
3	Các TT: An Phú, H.An Phú; Long Bình, H.An Phú; Ba Chúc, H.Tri Tôn; Chợ Vàm, H.Phú Tân	V		IV
4	Đô thị mới: Cần Đăng, H.Châu Thành		V	
5	Đô thị mới: Hòa Lạc, H.Phú Tân; Mỹ Đức, H.Châu Phú; Thạnh Mỹ Tây, H.Châu Phú			V
<b>58</b>	<b>Tỉnh Kiên Giang</b>			
1	TP. Rạch Giá	II	I	
2	TP. Phú Quốc	II	I	
3	TP. Hà Tiên	III	II	
4	TT. Kiên Lương, H.Kiên Lương	IV	III	
5	Các TT: Tân Hiệp, H.Tân Hiệp; Minh Lương, H.Châu Thành; Giồng Riềng, H.Giồng Riềng; Vĩnh Thuận, H.Vĩnh Thuận; Thứ Ba (đô thị An Biên), H.An Biên	V	IV	

TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Các TT: Gò Quao, H.Gò Quao; Thứ Mười Một, H.An Minh; Hòn Đất, Sóc Sơn H.Hòn Đất	V		IV
7	Đô thị mới: Lại Sơn, H.Kiên Hải		V	IV
8	Đô thị mới: Tắc Cậu, H.Châu Thành; U Minh Thượng, H.U Minh Thượng; Thổ Chu, Phú Quốc; Thuận Hưng, H.Giồng Riềng; An Sơn, Nam Du, H.Kiên Hải; Xẻo Nhàu; Tân Khánh Hòa, H.Giang Thành; Thứ Bảy, H.An Biên		V	
9	Đô thị mới: Thổ Sơn, Mỹ Lâm, H.Hòn Đất; Đầm Chít, Vĩnh Phú, H.Giang Thành; Thạnh Đông A, Thạnh Đông, Cây Dương, H.Tân Hiệp; Định An, H.Gò Quao; Long Thạnh, H.Giồng Riềng; Bình Minh, H.Vĩnh Thuận; Nhà Ngang, H.U Minh Thượng			V
<b>59</b>	<b>Thành phố Cần Thơ</b>			
1	Các TT: Thới Lai, H.Thới Lai; Cờ Đỏ, H.Cờ Đỏ	V	IV	
2	Các TT: Thạch An, H.Vĩnh Thạnh; Vĩnh Thạnh, H.Vĩnh Thạnh	V		IV
3	TT. Phong Điền, H.Phong Điền	V	IV	III
<b>60</b>	<b>Tỉnh Hậu Giang</b>			
1	TT Cái Tắc, H.Châu Thành A	V	IV	
2	TT. Ngã Sáu, H.Châu Thành	V	V(*) IV	
3	Các TT: Cây Dương, H.Phụng Hiệp; Cái Tắc, H.Châu Thành A; Mái Dầm, H.Châu Thành; Vĩnh Viễn, H.Long Mỹ; Một Ngàn, H. Châu Thành A	V		IV
<b>61</b>	<b>Tỉnh Sóc Trăng</b>			
1	TP. Sóc Trăng	III	II	
	TT. Mỹ Xuyên, H.Mỹ Xuyên	V		
2	TX. Vĩnh Châu	IV	III	
3	TX. Ngã Năm	IV		III
4	Các TT: Kế Sách, H.Kế Sách; Phú Lộc, H.Thạnh Trị; Long Phú, H.Long Phú; Châu Thành, H.Châu Thành; Trần Đề, H.Trần Đề; Đại Ngãi, H.Long Phú	V	IV	
5	Các TT: An Lạc Thôn, H.Kế Sách; Cù Lao Dung, H.Cù Lao Dung	V		IV



TT	Tên đô thị hiện hữu	Hiện trạng phân loại (2020)	Dự kiến phân loại 2021 - 2025	Dự kiến phân loại 2026 - 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6	Đô thị mới: Thới An Hội, Nhơn Mỹ, Đại Hải, An Lạc Tây, H.Kế Sách; Hòa Tú 1, Ngọc Tố, Thạnh Quới, Đại Tâm, H.Mỹ Xuyên; Đại Ân 2, H.Trần Đề; An Hiệp, An Ninh, H.Châu Thành; An Thạnh 3, H.Cù Lao Dung		V	
<b>62</b>	<b>Tỉnh Bạc Liêu</b>			
1	TP. Bạc Liêu	II		I
2	TX. Giá Rai	IV	III	
3	Các TT: Gành Hào, H.Đông Hải; Hòa Bình, H.Hòa Bình; Phước Long, H.Phước Long; Châu Hưng, H.Vĩnh Lợi	V	IV	
4	TT. Ngan Dừa, H.Hồng Dân	V		IV
5	Đô thị mới: Vĩnh Hưng, H.Vĩnh Lợi; Vĩnh Mỹ B, H.Hòa Bình; Ninh Quới A, H.Hồng Dân; Chủ Chí, H.Phước Long		V	
6	Đô thị mới: Hưng Thành, H.Vĩnh Lợi; Ba Đình, Điền Hải, H.Hồng Dân			V
<b>63</b>	<b>Tỉnh Cà Mau</b>			
1	TP. Cà Mau	II	I	
2	TT. Năm Căn, H.Năm Căn	IV	III	
3	TT. Sông Đốc, H.Trần Văn Thời	IV	III	
4	Các TT: Cái Nước, H.Cái Nước; Đầm Dơi, H.Đầm Dơi; Cái Đoi Vàm, H.Phú Tân; Trần Văn Thời, H.Trần Văn Thời	V	IV	
5	Các TT: Rạch Gốc, H.Ngọc Hiển; Thới Bình, H.Thới Bình; U Minh, H.U Minh	V		IV
6	Đô thị mới: Phú Tân, H.Phú Tân; Đất Mũi (Rạch Tàu), H.Ngọc Hiển; Trí Phải, H.Thới Bình; Tân Hưng, Thạnh Phú, H.Cái Nước; Khánh Bình Tây, H.Trần Văn Thời; Khánh Hội, H.U Minh; Tân Thuận, Thanh Tùng, Nguyễn Huân, H.Đầm Dơi; Hàm Rồng, Hàng Vịnh, H.Năm Căn		V	

**Ghi chú:**

(\*) Đô thị thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại lại cho các đơn vị hành chính đô thị được sắp xếp, sáp nhập giai đoạn 2019 - 2020 theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(MR) Đô thị dự kiến mở rộng phạm vi phân loại đô thị hoặc sáp nhập theo quy hoạch chung đô thị được duyệt.